

Số: 219/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Tố M**, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: 31/12/ B, Phường H, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn*: Ông **Lê Ngọc V**, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: 1 Đường B, phường N, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, 213; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Lê Thị Tố M và ông Lê Ngọc V (Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Tố M và ông Lê Ngọc V nên Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 20 tháng 5 năm 2015 tại U, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Tố M và ông Lê Ngọc V thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Lê Thị Tố M và ông Lê Ngọc V xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc Bảo V1, sinh ngày 19/02/2016. Ly hôn bà M và ông V thống nhất, thoả thuận:

Giao con chung là: Lê Ngọc Bảo V1, sinh ngày 19/02/2016 cho ông Lê Ngọc V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị Tố M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Lê Thị Tố M và ông Lê Ngọc V xác định tự thoả thuận, không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Lê Thị Tố M và ông Lê Ngọc V xác định không có nợ chung.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Lê Thị Tố M và ông Lê Ngọc V mỗi người chịu 75.000 đồng nhưng bà M tự nguyện chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng biên lai thu số 0001973 ngày 06/3/2026. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Tố M số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo biên lai thu số 0001973 ngày 06/3/2026 tại Cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 2 – Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Đông Hà – T. Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Thị Kim Nhung

THẨM PHÁN

